

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 20 tháng 7 năm 2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
cung cấp dịch vụ bảo vệ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

B .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Bà
Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022 trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B ,
tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
33/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng
cung cấp dịch vụ bảo vệ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
53/2022/QĐXXST–DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty H .

Địa chỉ: Số 170, đường NgKh , phường XGi , thành phố B , tỉnh Bắc
Giang.

Văn phòng giao dịch: Số 184, đường NgKh , phường XGi , thành phố B ,
tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng B1 , chức vụ: Giám
đốc, (Có mặt).

2. Bị đơn: Cục Thi hành án dân sự tỉnh B .

Địa chỉ: Thôn APh , xã TT , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bích T1 , chức vụ: Cục trưởng.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thị Thu Tr1 , chức vụ: Phó trưởng phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty H do ông Nguyễn Trọng B1 là đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 18/10/2019, Công ty H (Sau đây viết tắt là Công ty HKC) và Cục Thi hành án dân sự tỉnh B ký hợp đồng số 24/2019/HĐBV về việc công ty H cung cấp dịch vụ bảo vệ tài sản do Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang kê biên của Công ty TNHH MTV TrT ; địa chỉ: Thông ĐĐ , xã TTr , huyện TY , tỉnh Bắc Giang. Sau hơn 01 năm triển khai, công ty H đã thực hiện nghiêm túc hợp đồng nêu trên. Ngày 18/01/2021, Cục Thi hành án dân sự tỉnh B thông báo chấm dứt hợp đồng giữa hai bên đã ký kết và ký biên bản nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng dịch vụ nêu trên. Theo biên bản nghiệm thu và thanh lý, đến hết ngày 18/01/2021, Cục Thi hành án dân sự tỉnh B còn nợ công ty H 09 tháng tiền phí dịch vụ bảo vệ. Tổng số tiền nợ chưa có thuế VAT là: 15.000.000 đồng/tháng x 9 = 135.000.000 đồng và tiền thuế VAT (8%) là 10.800.000 đồng. Tổng số nợ là 145.800.000 đồng. Theo thỏa thuận trong biên bản, Cục Thi hành án dân sự tỉnh B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty H số tiền nợ chậm nhất là 22/02/2021. Tuy nhiên, sau nhiều lần công ty H có văn bản đề nghị thanh toán thì đến ngày 16/6/2021, Cục Thi hành án dân sự tỉnh B đã trả được 30.000.000 đồng. Nay, Công ty H khởi kiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả Công ty H số tiền 115.800.000 đồng (Trong đó: 105.000.000 đồng tiền dịch vụ bảo vệ và 10.800.000 đồng tiền thuế VAT).

** Bị đơn Cục Thi hành án dân sự tỉnh B do bà Hoàng Thị Thu Tr1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:* Cục Thi hành án dân sự tỉnh B có ký kết hợp đồng số 24/2019/HĐBV ngày 18/10/2019 với Công ty H . Ngày 18/01/2021 hai bên đã có biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng dịch vụ. Trong biên bản nghiệm thu có thể hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh B còn phải thanh toán cho Công ty H số tiền 148.500.000 đồng. Sau khi thanh lý hợp đồng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh B đã thanh toán tiếp cho Công ty H số tiền 30.000.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Nay Công ty H khởi kiện yêu cầu Cục Thi

hành án dân sự tỉnh B phải trả số tiền 115.800.000 đồng (Trong đó: 105.000.000 đồng tiền dịch vụ bảo vệ và 10.800.000 đồng tiền thuế VAT), Cục Thi hành án dân sự tỉnh B đồng ý với quan điểm khởi kiện trên nhưng đề nghị Công ty H cho trả dần.

Tại phiên toà, các đương sự có mặt trình bày:

Đại diện theo pháp luật của Công ty H là ông Nguyễn Trọng B1 trình bày: Công ty H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Cục Thi hành án dân sự tỉnh B yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả cho Công ty H số tiền 115.800.000 đồng. Tại điều 6 của hợp đồng số 24/2019/HĐBV có thể hiện “Hàng tháng bên A phải trả cho bên B phí dịch vụ bảo vệ theo hợp đồng là 15.000.000 đồng. Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%”. Trong hợp đồng không thể hiện tiền VAT là bên nào phải chịu. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận bằng miệng số tiền VAT là Cục thi hành án phải chịu. Nên ông xác định phí dịch vụ là 16.500.000 đồng. Sau khi thanh lý hợp đồng nêu trên, hai bên có thống nhất là Cục Thi hành án dân sự tỉnh B còn phải trả là 118.500.000 đồng nhưng Công ty H chỉ khởi kiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả số tiền là 115.800.000 đồng. Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm Công ty H nhận chịu cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải chịu nếu được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B là bà Hoàng Thị Thu Tr1 trình bày: Cục Thi hành án dân sự tỉnh B có ký hợp đồng với Công ty H là đúng. Việc hai bên thỏa thuận về số tiền VAT như trình bày của Công ty H là đúng. Việc nguyên đơn khởi kiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh B là có căn cứ, tuy nhiên Cục Thi hành án dân sự tỉnh B chưa có kinh phí để trả ngay cho Công ty HKC. Đồng ý với việc Công ty H chịu án phí cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh B nếu được chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 513, 515, 519 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Buộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả cho Công ty H số tiền 115.800.000 đồng.

- Về án phí: Công ty H phải chịu 5.790.000 đồng tiền án phí DSST.

- Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án và pháp luật áp dụng:

Công ty H (Sau đây viết tắt là Công ty HKC) khởi kiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả số tiền 115.800.000 đồng tiền dịch vụ bảo vệ theo hợp đồng số 24/2019/HĐBV ngày 18/10/2019 đây là quan hệ dân sự. Cục Thi hành án dân sự tỉnh B có trụ sở tại xã TT, thành phố B, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hợp đồng giữa các bên được ký kết năm 2019 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả số tiền 115.800.000 đồng tiền dịch vụ bảo vệ theo hợp đồng số 24/2019/HĐBV ngày 18/10/2019 cho Công ty HKC. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với hợp đồng số 24/2019/HĐBV ngày 18/10/2019 giữa Công ty H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh B được ký kết theo quy định của pháp luật nên hợp đồng số 24/2019/HĐBV là có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào hợp đồng số 24/2019/HĐBV ngày 18/10/2019, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 18/01/2021 giữa Công ty H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh B thể hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh B còn chưa thanh toán số tiền là 148.500.000 đồng. Sau khi thanh lý hợp đồng nêu trên ngày

16/6/2021, Cục Thi hành án dân sự tỉnh B đã thanh toán tiếp số tiền 30.000.000 đồng cho Công ty HKC. Vậy số tiền Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả số tiền 118.500.000 đồng cho Công ty HKC. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo pháp luật của Công ty H chỉ khởi kiện buộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả số tiền 115.800.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty HKC.

[3]. Về án phí:

Tại phiên tòa Công ty H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh B có thỏa thuận là để Công ty H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nếu Công ty H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên cần buộc Công ty H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 513, 515, 519 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Buộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh B phải trả cho Công ty H số tiền 115.800.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Công ty H phải chịu 5.790.000 đồng tiền án phí DSST, nhưng được trừ đi số tiền 2.890.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0001421 ngày 15/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND T. Bắc Giang
- VKS TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Đình Hưng